

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-12-2022  
V/v tranh chấp “Ly hôn và  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Quảng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Ông Trương Hữu Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa:** Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát Viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 438/2022/TLST-HN ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Khánh V, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Đỗ Hoàng T, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Chị V và anh T có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Huỳnh Khánh V trình bày:* Chị và anh T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 19/9/2014 và Đỗ Xuân K, sinh ngày 18/11/2018, hiện con chung đang chung sống với anh T tại ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chung sống không hợp nhau,

thường xuyên cãi vã nhau, anh T nhiều lần đánh đập chị, hiện tại giữa chị và anh T không còn tình cảm nhau. Nhiều lần anh T đánh chị nên chị bỏ nhà ra đi vào tháng 03/2021 cho đến nay. Hiện tại chị cảm thấy không còn khả năng hàn gắn gia đình, do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Xuân K, anh T nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Thùy L. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại tôi đang làm công nhân tại Công ty Soulgear thu nhập mỗi tháng 9.000.000 đồng, Vệc thu nhập của tôi đủ khả năng để nuôi con.

*Bị đơn anh Đỗ Hoàng T trình bày:* Về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung tôi xác nhận lời trình bày của chị V là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị V trình bày thì anh T không thống nhất, giữa anh và vợ chung sống nhau không có mâu thuẫn và anh cũng không biết lý do gì sau vợ anh bỏ nhà ra đi, thời gian đầu vợ bỏ nhà ra đi anh có chờ theo 02 người con đến gia đình cha mẹ vợ để tìm kiếm vợ quay về chung sống cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng vẫn không tìm kiếm được. Hiện tại anh vẫn còn tình cảm với chị V. Nay chị V yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V, anh muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Nếu Tòa giải quyết ly hôn anh yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại tôi đang làm công nhân cao su cho Công ty cao su Dầu Tiếng thu nhập mỗi tháng của tôi 24.000.000 đồng, Vệc thu nhập của tôi đủ khả năng để nuôi con.

*Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V, giao 02 con chung cho anh T tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị V khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh T, anh T có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án

thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Huỳnh Khánh V và anh Đỗ Hoàng T chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị V yêu cầu ly hôn, do anh T và chị bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, anh T nhiều lần đánh đập chị, hiện tại giữa chị và anh T không còn tình cảm nhau. Anh chị sống ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay. Còn anh T thì cho rằng giữa anh và chị V không có mâu thuẫn gì, chị V tự ý bỏ đi mà không biết lý do nên anh T không đồng ý ly hôn với chị V, anh muốn gia đình đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Xét thấy, trong quá trình chung sống chị V và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tiếng nói chung và đã không sống chung với nhau từ tháng 03/2021 cho đến nay như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm giữa chị V và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị V và anh T có 02 người con chung tên Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 19/9/2014 và Đỗ Xuân K, sinh ngày 18/11/2018. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Xuân K, giao anh T nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Thùy L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không đồng ý giao con cho chị V nuôi dưỡng mà yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương cũng như trường tiểu học E và trường mầm non E nơi cháu L và cháu K đang theo học thì xét thấy từ khi sống ly thân đến nay 02 con chung đều do anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đưa các con đi học và hoàn thành các nghĩa vụ học tập cho các con còn chị V không chăm sóc và cũng không thăm nom các con đồng thời Tòa án đã tham khảo ý kiến của cháu L thì cháu L có nguyện vọng được sống cùng anh T trong trường hợp anh T và chị V ly hôn. Như vậy, Việc tiếp tục giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo sự phát triển bình thường của các con khi bố mẹ ly hôn theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh T không yêu cầu giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Khánh V đối với anh Đỗ Hoàng T. Chị V được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 19/9/2014 và Đỗ Xuân K, sinh ngày 18/11/2018. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng Việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010915 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Quãng**